TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/03/2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và quyết định Hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/03/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Số E, Lô C, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: 394 ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, Lô C, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị H và anh H1 quen biết nhau khoảng một thời gian thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11/05/2007.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 sống không chung thủy, không còn quan tâm đến vợ con. Ngoài ra anh H1 còn hành hung đánh chị H rất nhiều lần trước mặt con cái. Tuy nhiên, xung quanh đều là gia đình của chồng và cũng không muốn làm lớn chuyện nên chị H không báo chính quyền địa phương biết. Anh H1 đi làm có tiền thì tiêu dùng một mình, không đưa cho chị H1 để cùng chăm lo cho gia đình. Một mình chị H đi làm thuê với mức lương thấp phải nuôi cả 03 con ăn học, trong đó có một bé bị bệnh (không đi học được) và được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng. Mọi công việc trong gia đình chị H đều phải lo liệu hết. Đã nhiều năm nay vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn nói chuyện qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa và cũng không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay không thể chịu đựng được việc sống chung nhà với anh H1 như vậy nữa nên chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống. Trong quá trình sống ly thân thì cả hai vợ chồng cũng không quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Hiện nay, vợ chồng đã không thể hòa giải, đoàn tụ được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày: 20/3/2012, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày: 08/8/2015 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày: 13/5/2008.

Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu T, N, L cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh H1 tự thỏa thuận, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

+ Về con chung: Giao con chung cho anh H1 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn H1 đăng ký thường trú và sinh sống tại: Số E, Lô C, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Nguyễn Văn H1. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H1 là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 21/02/2025, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1, thông báo cho anh H1 biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh H1 tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11/05/2007. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh H1 đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra sự bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H1 thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị H cho rằng anh H1 sống không có trách nhiệm với gia đình, sống chỉ lo cho bản thân mình nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2024. Trong quá trình sống ly thân thì cả hai vợ chồng cũng không quan tâm, hỏi thăm nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H1 đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị H nhưng anh H1 không hợp tác. Điều đó cho thấy anh H1 không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị H để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 05/02/2025, địa phương cho biết: *" ... anh H1 và chị H không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2024 cho đến nay ...".*

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 chung sống có 03 con chung là cháu:

+ Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày: 20/3/2012.

+ Cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày: 08/8/2015.

+ Cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày: 13/5/2008.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị H đồng ý giao cháu T, N, L cho anh H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với anh H1, yêu cầu của chị H cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho anh H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Hiện nay chị H đang đi làm thuê có mức thu nhập thấp và chưa đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Do vậy, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T1 không có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày: 20/3/2012; cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày: 08/8/2015; cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày: 13/5/2008 cho anh Nguyễn Văn H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2. Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H1 không có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008509 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Lộ 25, huyện Thống Nhất; (GNCKH số 38/2007)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh